ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 1476/2009/QĐ-UBND	*Tuy Hòa, ngày 13 tháng 8 năm 2009*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy định tạm thời về hoạt động sáng kiến ở tỉnh Phú Yên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Điều lệ về sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất và sáng chế ban hành kèm theo Nghị định số 31/CP ngày 23 tháng 01 năm 1981 của Hội đồng Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 84/HĐBT ngày 20 tháng 3 năm 1990 của Hội đồng Bộ trưởng;

Căn cứ Nghị định số 121/2005/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 44/2007/TTLT-BTC-BKHCN ngày 07 tháng 5 năm 2007 của liên Bộ Tài chính - Khoa học và Công nghệ, về việc hướng dẫn định mức xây dựng và phân bổ kinh phí đối với các đề tài, dự án khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ (tại Tờ trình số 410/TTr-KHCN ngày 07 tháng 7 năm 2009),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tạm thời về hoạt động sáng kiến ở tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký ban hành và hết hiệu lực khi Chính phủ ban hành Nghị định mới thay thế các quy định về hoạt động sáng kiến theo Điều lệ về sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất và sáng chế ban hành kèm theo Nghị định số 31/CP ngày 23 tháng 01 năm 1981 của Hội đồng Chính phủ.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng các sở, ban ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Kim Anh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY ĐỊNH TẠM THỜI
Về hoạt động sáng kiến ở tỉnh Phú Yên

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1476/2009/QĐ-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng điều chỉnh

1. Quy định này quy định chi tiết về điều kiện, thủ tục công nhận sáng kiến, khen thưởng và khuyến khích hoạt động sáng kiến và tiêu chuẩn hóa sáng kiến trong hoạt động thi đua, khen thưởng.

2. Quy định này áp dụng cho hoạt động sáng kiến của các cơ quan, doanh nghiệp và cá nhân trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Sáng kiến, các điều kiện công nhận sáng kiến

1. Sáng kiến là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có tính mới trong phạm vi cụ thể.

b) Đã được áp dụng hoặc dự kiến áp dụng và mang lại lợi ích thiết thực.

2. Sáng kiến được coi là mới nếu trong phạm vi cụ thể tính đến trước ngày nộp đơn đăng ký sáng kiến hoặc ngày áp dụng sáng kiến (tính theo ngày nào sớm hơn), sáng kiến đó đáp ứng các điều kiện sau:

a) Chưa được bộc lộ công khai dưới hình thức sử dụng, mô tả bằng văn bản hay bất kỳ hình thức nào khác đến mức căn cứ vào đó có thể thực hiện ngay được.

b) Chưa được áp dụng, đưa vào kế hoạch áp dụng, phổ biến hoặc chuẩn bị các điều kiện để áp dụng, phổ biến.

c) Chưa được quy định thành tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm bắt buộc phải thực hiện.

3. Sáng kiến được coi là mang lại lợi ích thiết thực nếu việc áp dụng sáng kiến đó mang lại hiệu quả kinh tế (nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, hiệu quả kỹ thuật), hoặc lợi ích xã hội (nâng cao điều kiện an toàn lao động, cải thiện điều kiện sống, làm việc, bảo vệ môi trường, sức khỏe).

4. Sáng kiến đáp ứng các điều kiện nêu tại khoản 1, 2, 3 Điều này được gọi là:

- Sáng kiến cấp cơ sở nếu tính mới chỉ trong phạm vi cơ quan, đơn vị, và được đăng ký, áp dụng và được công nhận tại đơn vị đó.

- Sáng kiến cấp địa phương hoặc cấp ngành nếu sáng kiến có tính mới trong phạm vi địa phương hoặc ngành và được đăng ký, áp dụng và được công nhận tại địa phương hoặc ngành đó.

- Sáng kiến cấp tỉnh nếu sáng kiến có tính mới và đăng ký ở cấp tỉnh, và được đăng ký, áp dụng và được công nhận cấp tỉnh.

Điều 3. Nội dung của sáng kiến

1. Nội dung của sáng kiến là tạo ra, cải tiến hoặc hợp lý hóa giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật.

2. Giải pháp kỹ thuật của các yếu tố trong công nghệ sản xuất, bao gồm:

a) Cơ cấu (máy móc, thiết bị, công cụ lao động, sản phẩm, kết cấu công trình).

b) Chất (vật liệu, thực phẩm, dược phẩm, mỹ phẩm, chủng vi sinh, chế phẩm sinh học).

c) Giống cây trồng, giống vật nuôi.

d) Quy trình (quy trình công nghệ; phương pháp khảo sát, thiết kế, thi công; kỹ thuật chăn nuôi, trồng trọt; phương pháp chẩn đoán, chữa bệnh cho người, động vật và thực vật).

3. Giải pháp quản lý là phương pháp tổ chức (bố trí nhân lực, máy móc, thiết bị, dụng cụ, nguyên liệu, vật liệu), điều hành, kiểm tra, giám sát công việc kinh doanh (sản xuất, thương mại, dịch vụ), trong hoạt động hành chính, sự nghiệp.

4. Giải pháp tác nghiệp là phương pháp thực hiện thao tác nghiệp vụ trong công việc kinh doanh (sản xuất, thương mại, dịch vụ), trong công tác quản lý hành chính, sự nghiệp, trong đó có:

a) Phương pháp thực hiện các thủ tục hành chính (tiếp nhận, xử lý hồ sơ, đơn thư, tài liệu).

b) Phương pháp thẩm định, giám định.

c) Phương pháp giảng dạy, huấn luyện người và động vật.

5. Giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật là kỹ thuật, bí quyết áp dụng một giải pháp kỹ thuật vào thực tiễn (phạm vi, không gian và thời gian).

Điều 4. **Đăng ký sáng kiến**

Để công nhận một sáng kiến, người có quyền đăng ký sáng kiến phải nộp đơn đăng ký sáng kiến cho cơ quan, tổ chức nhận đăng ký sáng kiến. Các cơ quan, tổ chức sau đây có thẩm quyền tiếp nhận, xem xét đơn đăng ký sáng kiến và công nhận sáng kiến (sau đây gọi là tổ chức đăng ký sáng kiến):

1. Mỗi cơ quan, đơn vị chỉ định tổ chức đăng ký sáng kiến đối với sáng kiến cấp cơ sở của người lao động được tạo ra trong cơ quan, tổ chức của mình.

2. Cơ quan quản lý khoa học, công nghệ của sở, ngành và các huyện, thành phố là tổ chức đăng ký sáng kiến đối với sáng kiến cấp địa phương và cấp ngành có nội dung thuộc ngành, địa phương quản lý.

3. Sở Khoa học và Công nghệ là tổ chức đăng ký sáng kiến đối với sáng kiến cấp tỉnh của các tổ chức, cá nhân trong tỉnh hoặc theo đề nghị của cơ quan, tổ chức đăng ký sáng kiến các cấp (nếu cấp đó chưa đủ điều kiện công nhận sáng kiến).

Điều 5. **Đơn đăng ký và công nhận sáng kiến**

1. Đơn đăng ký sáng kiến (nộp cho một tổ chức đăng ký sáng kiến) phải bao gồm các nội dung sau:

a) Họ, tên và địa chỉ của người nộp đơn đăng ký sáng kiến.

b) Tên sáng kiến và lĩnh vực áp dụng.

c) Mô tả bản chất của sáng kiến.

d) Các điều kiện cần thiết để áp dụng sáng kiến.

e) Lợi ích thu được do áp dụng sáng kiến (nếu giải pháp đã được áp dụng hoặc áp dụng thử); hoặc lợi ích dự kiến thu được khi áp dụng sáng kiến (nếu giải pháp chưa được áp dụng hoặc áp dụng thử).

g) Cam kết không sao chép hoặc vi phạm bản quyền.

Tổ chức đăng ký sáng kiến có nghĩa vụ giúp đỡ người đăng ký sáng kiến hoàn thành đơn đăng ký sáng kiến.

2. Tổ chức tiếp nhận đơn đăng ký sáng kiến có trách nhiệm xem xét chấp nhận đơn, yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn hoặc từ chối chấp nhận đơn trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đơn.

3. Tổ chức đăng ký sáng kiến có trách nhiệm giúp người nộp đơn thực hiện việc áp dụng thử sáng kiến, với kinh phí của người nộp đơn đăng ký sáng kiến, của đơn vị tiếp nhận sáng kiến và phần kinh phí hỗ trợ tối đa là 30% của tổ chức đăng ký sáng kiến.

4. Trong thời hạn 30 ngày tính từ ngày nhận đơn đối với giải pháp đã được áp dụng hoặc áp dụng thử, hoặc tính từ khi có kết quả áp dụng thử, tổ chức đăng ký sáng kiến phải xem xét và quyết định công nhận giải pháp nêu trong đơn là sáng kiến, nếu không chứng minh được rằng giải pháp đó không đáp ứng một trong các điều kiện quy định tại Điều 2 Quy định này, hoặc phải chuyển lên cấp cao hơn để công nhận và khen thưởng. Quyết định công nhận sáng kiến phải được trao cho người nộp đơn đăng ký.

5. Quyết định công nhận sáng kiến phải ghi nhận các thông tin sau:

a) Tên sáng kiến.

b) Họ, tên, địa chỉ của tác giả sáng kiến.

c) Ngày nộp đơn đăng ký sáng kiến.

d) Ngày công nhận sáng kiến.

g) Tóm tắt nội dung sáng kiến.

h) Lợi ích kinh tế - xã hội thu được do áp dụng sáng kiến.

i) Mức thù lao, mức thưởng cho tác giả sáng kiến.

Để thuận lợi cho việc đăng ký và xét công nhận sáng kiến, các đơn vị và địa phương xác định thời điểm tập hợp đơn và xem xét công nhận sáng kiến trước khi họp hội đồng thi đua khen thưởng. Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh định kỳ họp 2 lần trong năm để xem xét và công nhận các sáng kiến cấp tỉnh.

Điều 6. Hội đồng sáng kiến

1. Việc công nhận sáng kiến do thủ trưởng cơ quan, tổ chức đăng ký sáng kiến quyết định trên cơ sở xem xét ý kiến của Hội đồng sáng kiến.

2. Hội đồng sáng kiến được thành lập theo quyết định của thủ trưởng tổ chức đăng ký sáng kiến, số thành viên có trình độ chuyên môn về lĩnh vực liên quan đến nội dung sáng kiến nhiều hơn một nửa tổng số thành viên hội đồng, có đại diện công đoàn và đoàn thanh niên của cấp tương đương.

3. Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh thành lập theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, do Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phụ trách khoa học và công nghệ làm chủ tịch, có các thành viên chính: Sở Khoa học và Công nghệ (Phó Chủ tịch hội đồng, thường trực), Liên đoàn Lao động tỉnh, Tỉnh đoàn và theo từng lĩnh vực sẽ có các thành viên khác theo đề xuất của Sở Khoa học và Công nghệ.

Chương II
KHEN THƯỞNG VÀ KHUYẾN KHÍCH HOẠT ĐỘNG SÁNG KIẾN

Điều 7. **Nghĩa vụ trả thù lao, tiền thưởng cho tác giả sáng kiến**

Sáng kiến do tác giả tạo ra trong khi thực hiện nhiệm vụ được giao, được thuê hoặc được đầu tư kinh phí, phương tiện, vật chất, thủ trưởng cơ quan, đơn vị cấp nào áp dụng sáng kiến thì đơn vị đó chịu trách nhiệm chi tiền thưởng hoặc trả thù lao từ nguồn kinh phí cho hoạt động sáng kiến do đơn vị mình quản lý cho tác giả sáng kiến.

a) Thù lao hàng năm trong 5 năm đầu tiên áp dụng sáng kiến, với mức tối thiểu là 5% tiền làm lợi thu được do áp dụng sáng kiến của mỗi năm áp dụng (không khống chế mức tối đa), trong thời hạn 30 ngày tính từ ngày kết thúc mỗi năm áp dụng; hoặc trả thù lao cho tác giả theo điểm b dưới đây.

b) Trường hợp không tính được tiền làm lợi do áp dụng sáng kiến, thì thù lao hoặc tiền thưởng một lần với mức tối thiểu 100.000 đồng với sáng kiến cơ sở, (200.000 đồng với sáng kiến cấp ngành và địa phương, 400.000 đồng với sáng kiến cấp tỉnh) cho đến tối đa 8.000.000 đồng (đối với sáng kiến tương đương một chuyên đề nghiên cứu về khoa học công nghệ hoặc khoa học tự nhiên), hoặc 6.000.000 đồng (đối với sáng kiến tương đương một chuyên đề nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn), tùy thuộc vào hiệu quả làm lợi và phạm vi áp dụng sáng kiến mà thủ trưởng đơn vị quyết định mức tiền thưởng, và trao cho tác giả trong thời hạn 30 ngày tính từ ngày công nhận sáng kiến; hoặc trả thù lao cho tác giả theo điểm c dưới đây.

c) Thù lao mỗi lần chuyển giao sáng kiến cho tổ chức, cá nhân khác áp dụng trong 5 năm đầu tiên áp dụng sáng kiến, với mức tối thiểu bằng 5% giá chuyển giao, trong thời hạn 30 ngày tính từ ngày nhận thanh toán của mỗi lần chuyển giao.

Điều 8. Xác định tiền làm lợi do áp dụng sáng kiến

1. Tiền làm lợi do áp dụng sáng kiến là tổng số tiền tiết kiệm từ tất cả các nguồn lực sản xuất (nhân lực, tiền vốn, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, năng lượng,

khấu hao tài sản cố định...) có được do việc trực tiếp áp dụng sáng kiến.

2. Những lợi ích gián tiếp từ việc áp dụng sáng kiến, ví dụ những khoản tiết kiệm được từ những khoản không phải là chi phí trực tiếp cho quá trình áp dụng sáng kiến hoặc lợi ích thu được từ việc tiếp tục sử dụng nhân lực, tiền vốn, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu... đã tiết kiệm được do áp dụng sáng kiến, đều không được tính khi xác định tiền làm lợi.

3. Lợi ích trực tiếp được xác định trên cơ sở so sánh thực trạng kinh tế, kỹ thuật trước và sau khi áp dụng sáng kiến với các tiêu chí có thể định lượng, hoặc không định lượng được thì phải có cơ sở xác định hay kiểm tra.

Điều 9. **Phổ biến sáng kiến**

Cơ quan quản lý khoa học của các ngành, địa phương có trách nhiệm thực hiện các biện pháp sau đây để phổ biến sáng kiến thuộc lĩnh vực quản lý của ngành mình:

a) Công bố thông tin về sáng kiến trên các báo, tạp chí, mạng thông tin của ngành, địa phương.

b) Tổ chức dịch vụ môi giới chuyển giao sáng kiến và các giao dịch về sáng kiến (hội chợ, triển lãm); hỗ trợ việc chuyển giao sáng kiến thuộc quyền của nhà nước, thuộc quyền của các cá nhân, tổ chức không có đủ năng lực để áp dụng sáng kiến.

c) Hỗ trợ việc triển khai áp dụng sáng kiến lần đầu.

d) Thương lượng để mua toàn bộ quyền đối với sáng kiến để công bố, phổ biến áp dụng rộng rãi đối với những sáng kiến có khả năng áp dụng rộng rãi và khả năng mang lại lợi ích to lớn cho xã hội.

e) Phổ biến rộng rãi các sáng kiến là giải pháp quản lý và tác nghiệp của người lao động trong lĩnh vực quản lý hành chính, sự nghiệp của nhà nước và các sáng kiến tạo ra do sử dụng kinh phí và phương tiện vật chất của nhà nước mà được bảo hộ sở hữu trí tuệ.

Điều 10. **Khuyến khích phong trào thi đua lao động sáng tạo**

Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Liên đoàn Lao động tỉnh, Tỉnh đoàn và Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật thực hiện các biện pháp khuyến khích quần chúng tham gia các phong trào thi đua sáng tạo dưới các hình thức hoạt động sau đây:

a) Tổ chức các hội thi sáng tạo, triển lãm kết quả lao động sáng tạo của tỉnh.

b) Tổ chức các câu lạc bộ sáng tạo.

c) Phổ biến, tuyên truyền các điển hình trong phong trào thi đua sáng tạo.

d) Tổ chức đánh giá, công nhận sáng kiến hàng năm trên phạm vi ngành, địa phương và khen, thưởng, tặng các danh hiệu vinh dự cho các tổ chức, cá nhân có sáng kiến được áp dụng rộng rãi và mang lại lợi ích thiết thực cho xã hội.

e) Đề xuất tham gia các giải thưởng quốc gia hàng năm.

Ở các huyện, thành phố, ngành cũng phối hợp tổ chức phong trào lao động sáng tạo ở ngành và địa phương với các hình thức thích hợp.

Điều 11. **Khuyến khích tổ chức, cá nhân hoạt động sáng kiến**

1. Tổ chức áp dụng sáng kiến, cơ quan quản lý khoa học và công nghệ có thể áp dụng các biện pháp sau đây để khuyến khích tác giả sáng kiến:

a) Ưu tiên khi xem xét nâng lương, nâng bậc thợ, đào tạo nâng cao trình độ và hưởng các chế độ phúc lợi khác.

b) Khen, thưởng, tặng các danh hiệu vinh dự, gắn với bình xét thi đua khen thưởng hàng năm ở các đơn vị.

c) Ưu tiên xem xét, cấp kinh phí cho nghiên cứu phát triển và hoàn thiện sáng kiến.

d) Tạo điều kiện thuận lợi để triển khai áp dụng sáng kiến.

2. Cơ quan quản lý ngành có thành tích xuất sắc trong việc phổ biến sáng kiến được khen, thưởng, ưu tiên hỗ trợ kinh phí cho hoạt động sáng kiến.

Điều 12. Kinh phí cho hoạt động sáng kiến

1. Kinh phí cho hoạt động sáng kiến gồm:

a) Thực hiện những biện pháp để đẩy mạnh hoạt động sáng kiến.

b) Tổ chức thực nghiệm và áp dụng sáng kiến.

c) Tổ chức hội đồng xét duyệt sáng kiến.

d) Trả thưởng cho tác giả, cho người hỗ trợ tác giả và những người tổ chức áp dụng lần đầu sáng kiến (*theo nguyên tắc chỉ thưởng một lần cho một sáng kiến và không phân biệt cấp thưởng*).

e) Kinh phí đăng ký, phổ biến, nhân rộng sáng kiến.

g) Tham gia triển lãm, hội nghị, hội thảo, hội thi, tham quan khảo sát.

h) Kinh phí đăng ký bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích.

2. Tổ chức sản xuất, kinh doanh được lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ để đầu tư cho hoạt động sáng kiến. Chi phí cho việc tạo ra và áp dụng sáng kiến, trả tiền thù lao, trả tiền thưởng cho tác giả sáng kiến, người áp dụng sáng kiến được tính vào chi phí hợp lý khi xác định thu nhập chịu thuế.

3. Cơ quan, tổ chức của nhà nước được sử dụng các nguồn kinh phí thường xuyên hoặc kinh phí sự nghiệp để chi cho hoạt động sáng kiến.

4. Kinh phí cho hoạt động của Hội đồng sáng kiến các cấp được cân đối trong kế hoạch sự nghiệp, kinh phí hành chính hoặc quỹ phát triển. Chi phí cho hoạt động của Hội đồng sáng kiến được vận dụng tối đa bằng 70% định mức của hội đồng khoa học và công nghệ cùng cấp.

5. Kinh phí triển khai thực hiện các hoạt động khuyến khích sáng tạo được trích từ nguồn ngân sách nhà nước đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ và các nguồn tài trợ khác, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm lập kế hoạch kinh phí hàng năm trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Trường hợp đột xuất, Sở Khoa học và Công nghệ trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Chương III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Giải quyết tranh chấp, khiếu nại

1. Các khiếu nại liên quan đến việc công nhận, trả tiền thưởng, tiền thù lao cho tác giả sáng kiến, người áp dụng sáng kiến theo quy định của pháp luật về khiếu nại.

2. Các tranh chấp khác không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

Điều 14. Điều khoản thi hành

1. Thủ trưởng các sở, ban ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm hướng dẫn thi hành quy định này phù hợp với đặc thù của lĩnh vực, ngành mình quản lý.

2. Sở Tài chính có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn chi tiết về các vấn đề tài chính liên quan đến hoạt động sáng kiến.

3. Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan chịu trách nhiệm theo dõi thực hiện quy định này và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Các cơ quan, đơn vị trong quá trình thực hiện quy định này nếu có vướng mắc thì báo cáo UBND tỉnh để xem xét chỉnh sửa cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Kim Anh